

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020



TÔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0300625210 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019.	
Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Huy Bình Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Văn Tuấn	Chủ tịch Thành viên Thành viên (Miễn nhiệm ngày 6 tháng 1 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Bình Minh Ông Võ Anh Tài Ông Nguyễn Đông Hòa Ông Trương Đức Hùng Ông Trương Tấn Sơn	Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc Phó Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2021) Phó Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2020)
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám Đốc
Trụ sở chính	23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Ông Võ Anh Tài - Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty để ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Thư Ủy quyền ngày 12 tháng 3 năm 2021.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 55. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Võ Anh Tài

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chữ ký được Ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.116.512.191.463	4.865.945.186.525
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.093.590.464.584	1.842.170.792.343
111	Tiền		279.326.116.099	350.649.493.111
112	Các khoản tương đương tiền		814.264.348.485	1.491.521.299.232
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		2.033.419.240.957	2.005.733.872.207
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	2.033.419.240.957	2.005.733.872.207
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		800.576.540.445	782.875.541.667
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	253.093.842.926	416.715.725.198
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		105.705.481.240	119.576.596.521
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	499.426.656.739	300.872.199.916
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(63.451.680.210)	(60.091.219.718)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		5.802.239.750	5.802.239.750
140	Hàng tồn kho		100.662.027.458	187.864.185.608
141	Hàng tồn kho		100.662.027.458	187.864.185.608
150	Tài sản ngắn hạn khác		88.263.918.019	47.300.794.700
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		23.686.629.841	26.819.610.695
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	13	42.119.139.730	16.095.842.956
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	22.458.148.448	4.385.341.049

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		7.015.989.815.537	7.255.032.236.460
210	Các khoản phải thu dài hạn		53.383.354.079	53.575.276.869
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	53.383.354.079	53.575.276.869
220	Tài sản cố định		2.003.888.213.825	2.086.466.737.606
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	1.819.818.088.495	1.894.873.157.039
222	Nguyên giá		4.392.489.558.274	4.324.132.435.115
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.572.671.469.779)	(2.429.259.278.076)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	184.070.125.330	191.593.580.567
228	Nguyên giá		279.427.349.058	278.582.549.058
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(95.357.223.728)	(86.988.968.491)
230	Bất động sản đầu tư	10	11.155.096.392	13.364.218.392
231	Nguyên giá		89.211.835.425	89.211.835.425
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(78.056.739.033)	(75.847.617.033)
240	Tài sản dở dang dài hạn		898.976.265.047	643.878.629.268
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	898.976.265.047	643.878.629.268
250	Đầu tư tài chính dài hạn		3.938.517.996.966	4.330.023.091.660
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(a)	3.264.270.436.507	3.655.775.531.201
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	738.397.870.459	738.397.831.566
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(c)	(64.150.310.000)	(64.150.271.107)
260	Tài sản dài hạn khác		110.068.889.228	127.724.282.665
261	Chi phí trả trước dài hạn	8	110.065.889.228	127.721.282.665
268	Tài sản dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		11.132.502.007.000	12.120.977.422.985

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2020 VND	2019 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.524.714.977.419	1.739.908.116.972
310	Nợ ngắn hạn		1.161.306.948.321	1.403.882.726.410
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	128.187.840.532	162.909.764.244
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		167.719.836.361	306.536.366.887
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	107.327.423.552	211.540.914.973
314	Phải trả người lao động		165.693.086.262	181.770.858.065
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	92.998.162.086	134.747.332.396
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		118.810.193.110	103.722.399.248
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	228.373.035.259	105.296.457.474
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16(a)	51.539.710.519	42.797.300.426
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	100.657.660.640	154.561.332.697
330	Nợ dài hạn		363.408.029.098	336.025.390.562
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		836.000.000	5.739.116.250
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	90.819.768.666	97.752.630.323
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b)	181.586.088.147	182.241.426.454
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	18	56.520.245.173	16.125.287.455
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		33.645.927.112	34.166.930.080
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.607.787.029.581	10.381.069.306.013
410	Vốn chủ sở hữu		9.607.787.029.581	10.381.069.306.013
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	6.410.755.000.000	6.410.755.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	20	421.550.729.181	421.550.729.181
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	457.115.280.640	438.167.235.547
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	20	1.657.957.627.450	2.367.652.784.542
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		1.989.064.727.465	1.594.596.916.033
421b	- (Lỗ sau thuế)/LNST chưa phân phối của năm nay		(331.107.100.015)	773.055.868.509
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	660.408.392.310	742.943.556.743
440	TỔNG NGUỒN VỐN		11.132.502.007.000	12.120.977.422.985

Trần Văn Huy
Người lập

Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Võ Anh Tài
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký được Ủy quyền
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.354.443.318.882	7.153.233.875.778
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.144.835.888)	(186.451.365)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.353.298.482.994	7.153.047.424.413
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(2.307.393.949.238)	(5.868.504.957.766)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.904.533.756	1.284.542.466.647
21	Doanh thu hoạt động tài chính	202.371.280.664	394.722.737.166
22	Chi phí tài chính	(20.423.693.297)	(22.226.037.128)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(18.699.270.749)	(16.797.343.759)
24	Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên doanh, liên kết	(83.570.552.260)	382.103.951.964
25	Chi phí bán hàng	(83.318.441.967)	(188.042.915.128)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(425.382.342.325)	(599.166.592.674)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(364.419.215.429)	1.251.933.610.847
31	Thu nhập khác	49.118.935.488	33.925.588.572
32	Chi phí khác	(3.140.059.749)	(7.848.912.463)
40	Lợi nhuận khác	45.978.875.739	26.076.676.109
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(318.440.339.690)	1.278.010.286.956
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	(193.324.078)	(188.300.429.003)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(40.394.957.718)	4.313.508.478
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(359.028.621.486)	1.094.023.366.431
	Phân bổ cho:		
61	Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	(331.107.100.015)	1.049.521.181.674
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(27.921.521.471)	44.502.184.757

Trần Văn Huy
Người lập

Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính



Võ Anh Tài
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký được Ủy quyền
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(318.440.339.690)	1.278.010.286.956
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư	154.469.117.204	189.561.952.553
03	Các khoản dự phòng	3.360.460.492	11.780.838.490
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	364.615.817	284.265.505
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(121.397.428.338)	(778.699.325.653)
06	Chi phí lãi vay	18.699.270.749	16.797.343.759
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(262.944.303.766)	717.735.361.610
09	Giảm các khoản phải thu	197.173.510.383	625.282.234.237
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	87.202.158.150	(38.531.468.262)
11	Giảm các khoản phải trả	(180.593.314.747)	(696.862.610.769)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	20.788.374.291	(4.245.509.984)
14	Tiền lãi vay đã trả	(16.140.414.503)	(17.021.177.720)
15	Thuế TNDN đã nộp	(78.218.045.126)	(69.265.563.997)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	3.274.595.289
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(93.722.702.057)	(117.164.541.544)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(326.454.737.375)	403.201.318.860
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(346.127.711.921)	(257.025.684.667)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.596.699.934	2.022.325.698
23	Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.248.912.687.141)	(4.800.324.952.346)
24	Tiền thu từ đầu tư tài chính ngắn hạn	3.221.227.318.391	4.573.339.537.720
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(87.499.969.959)	(75.838.356.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	5.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	333.506.542.964	280.900.340.258
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(125.209.807.732)	(271.926.789.337)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	23.467.975.563	104.599.746.141
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(15.380.903.777)	(70.310.640.225)
36	Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(305.000.000.000)	(201.145.244.331)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(296.912.928.214)	(166.856.138.415)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(748.577.473.321)	(35.581.608.892)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	3 1.842.170.792.343	1.877.785.982.615
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(2.854.438)	(33.581.380)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3 1.093.590.464.584	1.842.170.792.343


Trần Văn Huy
Người lập

Trần Doãn Định
Kế toán trưởng và
Giám đốc Tài chính

Võ Anh Tài

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Chữ ký được Ủy quyền
Ngày 29 tháng 4 năm 2021

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 55 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH Một thành viên (“Tổng Công ty”) là một doanh nghiệp nhà nước hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập theo Quyết định số 1833/QĐ-UB-KT ngày 31 tháng 3 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3665/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo hình thức công ty mẹ - Công ty con, Tổng Công ty đã chính thức chuyển sang mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300625210 ngày 1 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 12 năm 2019, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại số 23 Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế;
- Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty (chăm sóc sắc đẹp), cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, làm sạch hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ cảng Sông, cảng biển; dịch vụ cung ứng tàu biển và các phương tiện vận tải đường sông, đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; đại lý bán vé tàu hỏa; hoạt động của đại lý bán vé máy bay;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại Khách sạn Cửu Long, khách sạn Đồng Khởi, khách sạn Bến Thành và khách sạn Đệ Nhất) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty;
- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư;
- Đại lý ký gửi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Dịch vụ quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa;
- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch;
- Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy;
- Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh địa ốc, dịch vụ nhà đất;

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi, nhà, ki-ốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng;
- Kinh doanh taxi;
- Sản xuất nước đá;
- Sản xuất, chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mỳ, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại;
- Sản xuất nước tinh khiết;
- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động;
- Thiết kế thi công, sửa chữa, trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng;
- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất;
- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến;
- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Đại lý, môi giới, đấu giá: đại lý các mặt hàng tiểu thủ công mỹ nghệ, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý bán vé tàu hỏa; và
- Cho thuê mặt bằng và tổ chức triển lãm, hội nghị và hội chợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có 13 chi nhánh là các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

- Khách sạn Bến Thành;
- Khách sạn Cửu Long;
- Khách sạn Đồng Khởi;
- Khách sạn Hoàn Cầu;
- Khách sạn Đệ Nhất;
- Khách sạn Kim Đô;
- Khách sạn Oscar Sài Gòn;
- Khách sạn Đồng Khánh;
- Khách sạn Thiên Hồng;
- Làng du lịch Bình Quới;
- Trường trung cấp Du lịch Khách sạn Saigontourist;
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Côn Đảo; và
- Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Thành phố Móng Cái.